

## Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

### 1.1. Giới thiệu chung về dự toán, gói thầu

- Tên gói thầu: Mua sắm hóa chất, vật tư phục vụ hoạt động xét nghiệm của bệnh viện Đa khoa Vũ Thư năm 2025-2026;
- Giá gói thầu: 7.790.884.480 VND
- Nguồn vốn: Nguồn thu giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh của bệnh viện Đa khoa Vũ Thư năm 2025-2026
- Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu: 60 ngày
- Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu: Quý III, 2025
- Hình thức, phương thức lựa chọn nhà thầu: Đấu thầu rộng rãi trong nước qua mạng; Một giai đoạn một túi hồ sơ
- Loại hợp đồng: Trọn gói
- Thời gian thực hiện gói thầu: 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực
- Tùy chọn mua thêm (nếu có): Không áp dụng.

### 1.2. Yêu cầu về kỹ thuật

STT	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật
1	Que thử nước tiểu 11 thông số	Que thử nước tiểu sử dụng cho máy xét nghiệm nước tiểu UriScan Super + Ứng dụng trong nhu cầu xét nghiệm 13 thông số: Blood, Bilirubin, Urobilinogen, Ketones, Protein, Nitrite, Glucose, pH, Leucocyte, VtC, Compennation, SG, Clarity. Quy cách: 400 test/ Hộp Thành phần: Blood: 3,3',5,5'-Tetrametylbenzidin 11,2 mg, Cumen hydroperoxit 94,4 mg Bilirubin: 2,4-Dichloroanilinediazonium 8,0 mg. Urobilinogen: p-Dimetylaminobenzaldehyd 60,0mg. Ketones: Sodium nitropruside 120,0mg Protein: Tetrabromphenol blue 4.0 mg Nitrite: p-Arsanilic acid 14 mg. Glucose: glucoza oxydaza 1.840 đơn vị , Peroxidase 8400 đơn vị, Potassium iodide 60 mg. pH: Methyl red 2 mg, Bromthymol blue 2.8 mg. Leucytes: Naphtol AS-D chloroacetate 30 mg, 2 chloro 4 benzamide 5 methylbenzendiazonium chloride 6 mg.

		Ascorbic Acid: 2,6 Dichlophenolindophenol 6mg, Methyl red 6mg. Bảo quản ở nhiệt độ 2 đến 30 °C
2	Nước rửa hệ thống cho máy xét nghiệm nước tiểu tự động	Nước rửa hệ thống cho máy xét nghiệm nước tiểu tự động Urícan Super +. Để làm sạch ống phân tích sau khi kiểm tra / trước khi tắt máy để bảo trì Quy cách: Chai/500 mL
3	Chất nội kiểm chất lượng cho máy nước tiểu tự động	Chất nội kiểm chất lượng QC cho máy nước tiểu. URiTROL TM Liquid Urinalysis Control là chất kiểm soát dạng lỏng sẵn sàng để sử dụng, không cần hoàn nguyên hoặc pha loãng. Nó được cung cấp ở hai cấp độ để cho phép theo dõi hiệu suất trong phạm vi lâm sàng. Bảo quản ở 2 đến 8 °C. Quy cách: 2 lọ x 15ml
4	Que thử nước tiểu 11 thông số dùng cho máy xét nghiệm nước tiểu tự động	Que thử nước tiểu 11 thông số dùng để định tính hoặc bán định lượng tỷ trọng, urobilinogen, bilirubin, Ketone, máu, protein, nitrit, bạch cầu, glucose, pH, axit ascorbic trong nước tiểu. Quy cách: 100 test//hộp
5	Dung dịch làm sạch hệ thống loại I dùng cho máy xét nghiệm nước tiểu tự động	- Được sử dụng để làm sạch hệ thống phản ứng trong quá trình xét nghiệm. Sản phẩm này không chứa chất tẩy rửa chỉ dùng để làm sạch thiết bị. - Thành phần: Brij-35 0,16% W/V - Đặc điểm hiệu suất: pH: 7.0±1.0 ở (22±1)°C, Quy cách: 200mL/Lọ
6	Dung dịch làm sạch hệ thống loại III dùng cho máy xét nghiệm nước tiểu tự động	- Được sử dụng để làm sạch hệ thống phản ứng trong quá trình xét nghiệm. Sản phẩm này không chứa chất tẩy rửa, chỉ dùng để làm sạch thiết bị. - Thành phần: Natri hypochlorit 0,5% W/V - Đặc điểm hiệu suất: pH: 11,5 ± 1,0 ở (22 ± 1)°C. Quy cách: 50mL/Lọ
7	Chất kiểm chuẩn xét nghiệm nước tiểu mức 1	- Được sử dụng để kiểm soát chất lượng các chỉ số urobilinogen, bilirubin, ketone, máu, protein, nitrit, bạch cầu, glucose, tỷ trọng, pH, axit ascorbic, microalbumin, creatinine và canxi của que thử nước tiểu dùng trên máy xét nghiệm nước tiểu tự động hoàn toàn. - Thành phần: Natri clorua, axit ascorbic Quy cách: 10mL/Lọ
8	Chất kiểm chuẩn xét nghiệm nước tiểu mức 2	- Được sử dụng để kiểm soát chất lượng các chỉ số urobilinogen, bilirubin, ketone, máu, protein, nitrit, bạch cầu, glucose, tỷ trọng, pH, axit ascorbic, microalbumin, creatinine và canxi của que thử nước tiểu dùng trên máy xét nghiệm nước tiểu tự động hoàn toàn.

		<p>- Thành phần: Glucose khan, urê, creatinine, canxi clorua, albumin, hemoglobin, esterase, muối naphthylamine. Quy cách: 10mL/Lọ</p>
9	Thuốc thử xét nghiệm Prothrombin Time	<p>Hóa chất HEMOSTAT THROMBOPLASTIN-SI (PT-SI) dùng để xác định Prothrombin Time (PT) bằng phương pháp thủ công hoặc tự động. PT-SI có thể được sử dụng để xét nghiệm các yếu tố đông máu trong các con đường đông máu ngoại sinh và con đường chung. Thành phần gồm có: - Hoá chất Thromboplastin (dạng đông khô) chứa Chiết xuất não thỏ &gt; 10%, Sodium azide &lt; 0,01% - Đệm CaCl<sub>2</sub> chứa Sodium azide &lt; 0,01% Độ ổn định: 12 ngày ở 2-8°C, 1 ngày ở 20-25°C. Quy cách: 6x2ml</p>
10	Thuốc thử xét nghiệm APTT	<p>Bộ hóa chất xét nghiệm aPTT sử dụng chất hoạt hóa axit Ellagic, dùng để xác định thời gian Thromboplastin một phần hoạt hóa (aPTT) bằng phương pháp thủ công và tự động. Thành phần gồm có: - Hoá chất 1 (6x4ml): Hóa chất aPTT-EL: Cephalin não thỏ &lt; 1.0%, ellagic acid, sodium azide &lt; 0,01%; - Hóa chất 2 (6x4ml): Dung dịch CaCl<sub>2</sub> 0,02 mol/l, sodium azide &lt; 0,01%, muối và chất ổn định. Độ ổn định 14 ngày ở 2-8°C, 7 ngày ở 20-25°C. Quy cách: 6x4ml+6x4ml</p>
11	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Fibrinogen	<p>Hóa chất xét nghiệm Fibrinogen dùng xác định Fibrinogen trong huyết tương bằng phương pháp thủ công và tự động. Thành phần gồm có: - Hóa chất Fibrinogen dạng đông khô 5x2ml, thành phần: thrombin người 80 - 100 IU/ml, sodium azide &lt; 0,01%. - Dung dịch đệm Imidazole Buffered Saline 1x100mL, pH 7.4 ± 0.2, thành phần: imidazole 0,05mol/l, đệm và chất ổn định. - Chất chuẩn: Fibrinogen huyết tương tham chiếu (dạng đông khô) 2x1mL, thành phần: huyết tương người, sodium azide &lt; 0,01%. Khi được bảo quản ở 2-8 °C, lọ chưa mở sẽ ổn định cho đến hết hạn sử dụng. Sau hoàn nguyên hóa chất ổn định 7 ngày ở 2-8°C. Quy cách: 5x2ml</p>
12	Hóa chất kiểm chuẩn các xét nghiệm đông	<p>Hóa chất kiểm chuẩn, dùng để theo dõi hiệu suất các xét nghiệm đông máu thường quy mức bình thường.</p>

	máu mức bình thường	Hộp 6x1ml gồm có: Huyết tương người dạng đông khô, sodium azide < 0.01% .
13	Hóa chất kiểm chuẩn các xét nghiệm đông máu mức bất thường	Hóa chất kiểm chuẩn, dùng để theo dõi hiệu suất các xét nghiệm đông máu thường quy mức bất thường. Hộp 6x1ml gồm có: Huyết tương người dạng đông khô, sodium azide < 0.01% .
14	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm đông máu	Hóa chất hiệu chuẩn, được sử dụng để hiệu chuẩn các xét nghiệm để phân tích Prothrombin Time (PT) và Antithrombin. Hộp 4x1ml (dạng đông khô) Calibrator chứa: Mẫu gộp huyết tương người, sodium azide < 0.01%
15	Cuvette dùng cho máy xét nghiệm đông máu	Cuvet dùng cho máy xét nghiệm đông máu tự động HumaClot Pro Quy cách: 6x10x32/hộp
16	IVD rửa dùng cho máy xét nghiệm đông máu	Dung dịch Wash Solution dùng để làm sạch kim hút nhằm ngăn ngừa nhiễm chéo trên máy HumaClot Pro. Quy cách: 5 x 15 ml. Thành phần của Wash Solution: - Buffered Salt Solution - Imidazole 0.1mol/l - HCl 0.1mol/l - Detergent 0.02%
17	IVD rửa dùng cho máy xét nghiệm đông máu	Dung dịch HumaClot Pro - Cleaner dùng để làm sạch thường xuyên trạm rửa, ống thải, kim hút và bơm chất thải của máy phân tích đông máu HumaClot Pro, làm giảm nguy cơ lây nhiễm vật liệu sinh học. Quy cách: 5 x 15 ml. Thành phần: Aqueous Solution
18	Thanh khuấy hóa chất	Thanh khuấy hóa chất
19	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Na, K, Cl, Ca, Li	Pack EasyLyte Na / K / Cl / Ca / Li Solutions Pack sử dụng cho việc xác định định lượng của các ion Natri (Na +), Kali (K +), Clorua (Cl-), Canxi (Ca ++ ) và Lithium (Li +) trong huyết thanh, huyết tương người, máu toàn phần và nước tiểu (kết quả nước tiểu chỉ có thông số Na +, K + và Chỉ Cl-) bằng máy xét nghiệm điện giải EasyLyte expand. *Thành phần: Standard A Solution, 800mL: 140.0 mmol/L Na+; 4.0 mmol/L K+; 125.0 mmol/L Cl-; 1.25 mmol/L Ca++; 1.00 mmol/L Li+; Buffer; Chất bảo quản; Wetting Agent Standard B Solution, 180mL: 35.0 mmol/L Na+; 16.0 mmol/L K+; 41.0 mmol/L Cl-; 2.50 mmol/L Ca++; 0.40

		mmol/L Li <sup>+</sup> ; Buffer Chất bảo quản; Wetting Agent Wash Solution, 80mL 0.1 mol/L Ammonium bifluoride Waste Container Quy cách: 800ml/hộp
20	IVD rửa dùng cho máy xét nghiệm điện giải	Dung dịch làm sạch hàng ngày để loại bỏ các cặn protein trên các máy xét nghiệm điện giải, khí máu hãng Medica/Mỹ (Có Ammonium Bifluoride) Thành phần 1 hộp gồm: - Daily Cleaner Diluent- Pha loãng rửa hàng ngày: 1 lọ 90 ml HCl (0.2 N), NH <sub>4</sub> F <sub>2</sub> (0.05N) và muối. - Daily Cleaner Powder - Chất rửa hàng ngày dạng bột: 6 lọ, pepsin 0.5g Quy cách: 1 lọ Rinse 90 mL + 6 lọ Pepsin
21	Hóa chất kiểm chuẩn xét nghiệm định lượng các thông số điện giải	Dung dịch kiểm chuẩn cho các xét nghiệm phân tích điện giải (bao gồm test Na <sup>+</sup> , K <sup>+</sup> , Cl <sup>-</sup> , Li <sup>+</sup> , Ca <sup>++</sup> , pH) với 2 mức bình thường và bất thường. Gồm dung dịch muối, chất đệm, albumin bò, chất bảo quản. Quy cách: 2 x 10 ml
22	Điện cực xét nghiệm định lượng Na	Điện cực Na dùng cho máy xét nghiệm điện giải hãng Medica/Mỹ
23	Điện cực xét nghiệm định lượng K	Điện cực K dùng cho máy xét nghiệm điện giải hãng Medica/Mỹ
24	Điện cực xét nghiệm định lượng Cl	Điện cực Cl dùng cho máy xét nghiệm điện giải hãng Medica/Mỹ
25	Điện cực xét nghiệm định lượng Ca	Điện cực Ca dùng cho máy xét nghiệm điện giải hãng Medica/Mỹ
26	Điện cực tham chiếu xét nghiệm định lượng 6 thông số điện giải	Điện cực tham chiếu dùng cho máy điện giải Na/K/Ca/pH và Na/K/Cl/Ca/Li
27	Đường ống bơm và ống mẫu máy điện giải	Hộp gồm: 1 đường ống bơm, 1 đường ống mẫu và 1 đường ống mẫu ngắn. Dùng cho máy điện giải EasyLyte Na/K/Ca/pH, Na/K/Cl/Ca/Li
28	Bộ phát hiện mẫu máy xét nghiệm điện giải	Bộ phát hiện mẫu dùng cho máy xét nghiệm điện giải hãng Medica/Mỹ
29	Van máy xét nghiệm điện giải	Van dùng cho máy xét nghiệm điện giải

30	Thuốc thử xét nghiệm định lượng T3	<p>Total Triiodothyronine Kit là thuốc thử xét nghiệm miễn dịch để xác định định lượng Hormone Triiodothyronine (T3) là hormone chịu trách nhiệm chính cho phát triển tác động của các hormone tuyến giáp trên các cơ quan đích khác nhau.</p> <p>Thành phần hoạt tính:  (MB): Streptavidin phủ vi hạt; 0,1M PBS; chất bảo quản.  (RA): Kháng thể kháng T3 đơn dòng (cừu) được gắn nhãn phức hợp ruthenium 60 ng / mL; 0,1M PBS; chất bảo quản  (RB): Biotinylated T3 1,0 ng / mL; 0,1M PBS; chất bảo quản.  Hiệu chuẩn (Cao): Kháng nguyên T3, 0.1M PBS, 0.05% ProclinTM300.  Hiệu chuẩn (Thấp): Kháng nguyên T3, 0.1M PBS, 0.05% ProclinTM300.  Control (Cao): Kháng nguyên T3, 0.1M PBS, 0.05% ProclinTM300.  Control (Thấp): Kháng nguyên T3, 0.1M PBS, 0.05% ProclinTM300.  Thiết bị tương thích: eCL8000, eCL8000i, eCL8000p, eCL8000x, eCL9000, eCL9000i, eCL9600, eCL9900, eCL9900i.  Bảo quản: 2 ~ 8°C trong 12 tháng. 28 ngày trong máy (nhiệt độ 4 ~ 15°C)  Quy cách: 100 Test/ Hộp</p>
31	Thuốc thử xét nghiệm định lượng TSH	<p>Thyroid Stimulating Hormone là thuốc thử xét nghiệm miễn dịch để xác định định lượng hormone tuyến giáp TSH, giúp chẩn đoán các bệnh về tuyến giáp.</p> <p>Thành phần hoạt tính:  (MB): Streptavidin phủ vi hạt, 0,75 mg / mL: 0,1 M PBS; 0,05% ProClinTM300  (RB): Anti-TSH-Ab ~ biotin, 2 mg / L: 0,1 M PBS; 0,05% ProClinTM300.  (RA): Anti-TSH-Ab~Ru(bpy)32+, 1.2 mg/L: 0.1 M PBS; 0.05% ProClinTM300  Hiệu chuẩn (Cao): Kháng nguyên TSH, 0,1 M PBS, ProClinTM300.  Hiệu chuẩn (Thấp): Kháng nguyên TSH, 0,1 M PBS, ProClinTM300.  Control (Cao): Kháng nguyên TSH, 0,1 M PBS, ProClinTM300.  Control (Thấp): Kháng nguyên TSH, 0,1 M PBS,</p>

		<p>ProClinTM300.</p> <p>Thiết bị tương thích: eCL8000, eCL8000i, eCL8000p, eCL8000x, eCL9000, eCL9000i, eCL9600, eCL9900, eCL9900i.</p> <p>Bảo quản: 2 ~ 8°C trong 12 tháng. 28 ngày trong máy (nhiệt độ 4 ~ 15°C)</p> <p>Quy cách: 100 Test/ Hộp</p>
32	Thuốc thử xét nghiệm định lượng FT4	<p>Free Thyroxine Kit hay còn gọi là FT4 Là Kit xét nghiệm định lượng thyroxine Tuyến giáp tự do trong huyết thanh và huyết tương người.</p> <p>Thành phần hoạt tính:</p> <p>(MB): Streptavidin phủ vi hạt, 0,75mg / mL; 0,1M PBS; chất bảo quản.</p> <p>(RB): T4-Biotin, 1 ng / mL; 0,1 M PBS; chất bảo quản.</p> <p>(RA): T4-Ab ~ Ru (bpy) 3 2+, 200 ng / mL; 0,1 triệu PBS; chất bảo quản.</p> <p>Hiệu chuẩn (Cao): Kháng nguyên T4, 0,1 M PBS, chất bảo quản.</p> <p>Hiệu chuẩn (Thấp): Kháng nguyên T4, 0,1 M PBS, chất bảo quản.</p> <p>Control (Cao): Kháng nguyên T4, 0,1 M PBS, chất bảo quản.</p> <p>Control (thấp): Kháng nguyên T4, 0,1 M PBS, chất bảo quản.</p> <p>Thiết bị tương thích: eCL8000, eCL8000i, eCL8000p, eCL8000x, eCL9000, eCL9000i, eCL9600, eCL9900, eCL9900i.</p> <p>Bảo quản: 2 ~ 8°C trong 12 tháng. 28 ngày trong máy (nhiệt độ 4 ~ 15 °C)</p> <p>Quy cách: 100 Test/ Hộp</p>
33	Xét nghiệm Bệnh tim mạch	<p>High-Sensitivity Troponin T STAT là thuốc thử xét nghiệm miễn dịch invitro để xác định định lượng troponin T tim trong huyết thanh và huyết tương người. Xét nghiệm này nhằm mục đích hỗ trợ chẩn đoán nhồi máu tim.</p> <p>Thành phần hoạt tính:</p> <p>MB: Streptavidin-coated micro magnetic beads, 0.1 M PBS;0.05% ProClin™ 300.</p> <p>RA: Anti-cTnT-Ab~Ru(bpy) 3 2+ , 0.1 M PBS; 0.05% ProClin™ 300.</p> <p>RB: Anti-cTnT-Ab~biotin, 0.1 M PBS;0.05% ProClin™ 300.</p> <p>Calibrator (High): Huyết thanh ngựa, 0.05% ProClin™</p>

		<p>300, lyophilized.</p> <p>Calibrator (Medium): Huyết thanh ngựa, 0.05% ProClin™ 300, lyophilized.</p> <p>Calibrator (Low): Huyết thanh ngựa, 0.05% ProClin™ 300, lyophilized.</p> <p>Control (High): Huyết thanh ngựa, 0.05% ProClin™ 300, lyophilized.</p> <p>Control (Low): Huyết thanh ngựa, 0.05% ProClin™ 300, lyophilized.</p> <p>Thiết bị tương thích: eCL8000, eCL8000i, eCL8000p, eCL8000x, eCL9000, eCL9000i, eCL9600, eCL9900, eCL9900i.</p> <p>Bảo quản: 2 ~ 8°C trong 12 tháng. 28 ngày trong máy.</p> <p>Quy cách: 100 Test/ Hộp</p>
34	Xét nghiệm Bệnh suy tim	<p>N-terminal pro B-type Natriuretic Peptide (NT-proBNP) Là thuốc thử xét nghiệm miễn dịch in vitro để định lượng troponin I tim ở người huyết thanh và huyết tương. Xét nghiệm này nhằm mục đích hỗ trợ chẩn đoán bệnh nhồi máu cơ tim</p> <p>Thành phần hoạt tính:</p> <p>MB: Streptavidin-coated micro magnetic beads, 0.75 mg/mL: 0.1M PBS; 0.05% ProClin™ 300.</p> <p>RB: Anti-NT-proBNP-Ab~biotin, 1.5 mg/L: 0.1M PBS; 0.05% ProClin™ 300.</p> <p>RA: Anti-NT-proBNP-Ab~Ru(bpy) 2+ 3, 1.5 mg/L: 0.1M PBS; 0.05% ProClin™ 300.</p> <p>Hiệu chuẩn (Cao): Huyết thanh bê, 0.05% ProClin™ 300; lyophilized.</p> <p>Hiệu chuẩn (Thấp): Huyết thanh bê, 0.05% ProClin™ 300; lyophilized.</p> <p>Thiết bị tương thích: eCL8000, eCL8000i, eCL8000p, eCL8000x, eCL9000, eCL9000i, eCL9600, eCL9900, eCL9900i.</p> <p>Bảo quản: 2 ~ 8°C trong 12 tháng. 28 ngày trong máy.</p> <p>Quy cách: 100 Test/ Hộp</p>
35	Xét nghiệm CRP	<p>High-Sensitivity C-reactive Protein là Thuốc thử Xét nghiệm miễn dịch để định lượng protein phản ứng C trong ống nghiệm huyết thanh và huyết tương của người.</p> <p>Thành phần hoạt tính:</p> <p>(MB): Streptavidin-coated microparticles 0.75 mg/mL: 0.1 M PBS; 0.05% ProClin™ 300.</p> <p>(RA) Anti-CRP-Ab~Ru (bpy)3 2+1.0µg/mL: 0.1 M PBS; 0.05% ProClin™ 300.</p>

		<p>(RB)Anti-CRP-Ab~biotin 1.0 µg/mL: 0.1M PBS; 0.05%ProClin™ 300.  Diluent 0.1 M PBS, 0.05% ProClin™ 300.pH 7,0.  Calibrator (High)Calf serum, 0.05% ProClin™ 300  Calibrator (Low) Calf serum, 0.05% ProClin™ 300  Control Material (High) Calf serum, 0.05% ProClin™ 300, Control Material (Low) Calf serum, 0.05% ProClin™ 300  Thiết bị tương thích: eCL8000, eCL8000i, eCL8000p, eCL8000x, eCL9000, eCL9000i, eCL9600, eCL9900, eCL9900i.  Bảo quản: 18 tháng tại 2~ 8°C cho đến ngày hết hạn đã nêu. Sau khi mở nắp đã sử dụng 8 tuần.  Quy cách: 100 Test</p>
36	Dung dịch đệm A Auffer	<p>Auffer là chất rửa được sử dụng để làm sạch hệ thống chất lỏng và tế bào đo lường trong quá trình hoạt động của máy miễn dịch.  Auffer có thể được sử dụng với tất cả các lô thuốc thử.  Thành phần hoạt tính: KOH 176 mmol/L, detergent ≤ 1%; pH 13.0.  Thiết bị tương thích: eCL8000, eCL8000i, eCL8000p, eCL8000x, eCL9000, eCL9000i, eCL9600, eCL9900, eCL9900i.  Bảo quản: 24 tháng tại 4 ~ 30°C cho đến ngày hết hạn đã nêu. Sau khi mở nắp đã sử dụng 4 tuần.  Quy cách: 480 mL</p>
37	Dung dịch đệm B Buffer	<p>Buffer là chất đệm được sử dụng để cung cấp và duy trì môi trường phản ứng điện hóa trong Máy phân tích xét nghiệm miễn dịch ECL.  - Hình thành cấu trúc bề mặt ổn định trên điện cực  - Vận chuyển hỗn hợp phản ứng  - Làm sạch các hạt từ tính được bao bọc bởi các phức hợp miễn dịch  - Phát tín hiệu điện hóa phát quang.  Đệm có thể được sử dụng với tất cả các lô thuốc thử.  Thành phần hoạt tính: Đệm phát phát 270 mmol / L, tripropylamine 162 mmol / L, chất tẩy rửa ≤0,1%, chất bảo quản; pH 7,0.  Thiết bị tương thích: eCL8000, eCL8000i, eCL8000p, eCL8000x, eCL9000, eCL9000i, eCL9600, eCL9900, eCL9900i.  Bảo quản: 24 tháng tại 4 ~ 30°C cho đến ngày hết hạn đã nêu. Sau khi mở nắp đã sử dụng 4 tuần.</p>

		Quy cách: 480 mL
38	Chất rửa đệm đậm đặc	Concentrated Washing Buffer là chất đệm rửa đậm đặc được sử dụng để làm sạch Pipette Thành phần hoạt tính: Đệm photphat 0,1 mol / L, NaCl 1,5 mol / L, chất tẩy rửa 1,0%, chất bảo quản; pH 7.4 Thiết bị tương thích: Dòng xét nghiệm miễn dịch EcL Bảo quản: 24 tháng tại 4 ~ 30 °C cho đến ngày hết hạn đã nêu. Sau khi mở nắp đã sử dụng 4 tuần. Quy cách: 1 Lít
39	Cốc đựng mẫu	Assay Cup là cốc phản ứng, được sử dụng kết hợp với Máy xét nghiệm miễn dịch tự động. để lưu trữ và ủ dung dịch phản ứng và hoàn thành quá trình ủ bệnh của phản ứng miễn dịch Thiết bị tương thích: eCL8000, eCL8000i, eCL8000p, eCL8000x. Bảo quản: 36 tháng kể từ ngày sản xuất Quy cách: 300 Test
40	Bộ hóa chất xét nghiệm HbA1c trên máy sắc ký lỏng cao áp MQ 2000PT	Dùng để xác định % HbA1c bằng phương pháp sắc ký lỏng cao áp (HPLC) trên máy xét nghiệm MQ2000PT Bộ Kit bao gồm: 01 Cột sắc ký lỏng HbA1c (HPLC) 01 Chất đệm HbA1c (A); ( 2x1800ml) 01 Chất đệm HbA1c (B); (1x1400ml) 01 Chất ly giải Haemolyser ; (4x1800ml) 01 Ống pha loãng mẫu; 100 Lọ /Túi ; 02 Tấm lọc; 06 Giấy in cho máy in nhiệt Thành phần hoạt tính: HbA1c A: (pH5 ~ 6) Natri xitrat dihydrat, axit xitric monohydrat, Isothiazolinone, Natri azit, Nước. HbA1c B: (pH6 ~ 7): Natri xitrat dihydrat, axit xitric monohydrat, Isothiazolinone, Natri azit, Nước. HbA1c Haemolyser: (pH6 ~ 8): Disodium hydro orthophosphate, Natri dihydrogen orthophosphat, Chất hoạt động bề mặt, Natri azit, Nước. Quy cách: 800 test/Bộ

**Ghi chú:**

Nhà thầu dự thầu theo yêu cầu kỹ thuật quy định hoặc tương đương hoặc tốt hơn so với E-HSMT (tên và mã hiệu hàng hóa nếu có chỉ mang tính chất tham khảo), trường hợp hàng hóa tương đương hoặc tốt hơn thì nhà thầu phải có tài liệu chứng minh và đảm bảo hàng hóa dự thầu có đặc tính kỹ thuật, có tính năng sử dụng “tương đương với các yêu cầu tối thiểu.

“Tương đương” có nghĩa là có đặc tính kỹ thuật tương tự, có tính năng sử dụng là tương đương.

## **Mục 2. Bản vẽ**

**Không có**

## **Mục 3. Kiểm tra và thử nghiệm**

- Chủ đầu tư có quyền kiểm tra, thử nghiệm, đối với toàn bộ hàng hóa cung cấp để khẳng định các hàng hóa đó có đặc tính kỹ thuật phù hợp với yêu cầu của hợp đồng.

- Hàng hóa nhà thầu cung cấp trước khi được nghiệm thu sẽ được chủ đầu tư kiểm tra. Bất cứ hàng hóa nào không đảm bảo chất lượng theo yêu cầu của E-HSMT sẽ không được nghiệm thu.